

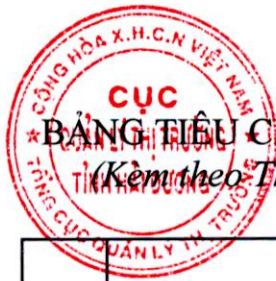
BẢNG KÊ TÓNG HỢP TÀI SẢN BỊ TỊCH THU ĐỀ XUẤT BÁN ĐẤU GIÁ

(Kèm theo Thông báo lựa chọn số: 1057/TB-QLTTHD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Cục QLTT tỉnh Hải Dương)

TT	Phương án	Cơ quan ban hành	Số QĐ xử phạt		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu	Nguồn gốc xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Căn cứ đề xuất	Đề xuất phương án
			Số QĐ	Ngày, tháng năm											
1					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 13, loại 128G, số Imei: 357688119296425; 352364226849069; 351829682768822	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cái	3	5,190,000	15,570,000	Hàng đã qua sử dụng	Bán đấu giá
2					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 13 mini, loại 256G, số Imei: 359251340600549	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cái	1	5,130,000	5,130,000	Hàng đã qua sử dụng	Bán đấu giá
3					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 12 Promax, loại 512G, số Imei: 351704553567092	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cái	1	8,370,000	8,370,000	Hàng đã qua sử dụng	Bán đấu giá
4	Số 229/Đội 5	Đội QLTT số 5	23000043/QĐ-XPHC	04/12/2024	Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 12 Promax, loại 256G, số Imei: 356719112999375; 359173738880444; 356726115399685	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cái	3	7,840,000	23,520,000	Hàng đã qua sử dụng	
5					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 12 Promax, loại 128G, số Imei: 356487144801189; 353776392111132	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cái	2	7,340,000	14,680,000	Hàng đã qua sử dụng	
6					Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 12, loại 128G, số Imei: 353046113918243	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cái	1	4,990,000	4,990,000	Hàng đã qua sử dụng	

7				Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 12, loại 64G, số Imei: 355772539374566; 357463527643034; 353039119826874	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cài	3	4,420,000	13,260,000	Hàng đã qua sử dụng	
8				Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	128G, số Imei: 353022113089988; 355852235534000; 353021119711918; 353010116910367	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cài	4	3,660,000	14,640,000	Hàng đã qua sử dụng	
9				Kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ	Điện thoại di động	Iphone 12 mini, loại 64G, số Imei: 353016111823877; 353016115616905	Không rõ	Hàng cũ đã qua sử dụng	Cài	2	3,160,000	6,320,000	Hàng đã qua sử dụng	
TỔNG CỘNG												106,480,000		

Bảng chữ: Một trăm linh sáu triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng



PHỤ LỤC I

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số: 1057/TB-QLTTHD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
A	Tiêu chí bắt buộc	
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
B	Tiêu chí chấm điểm	
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0



II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)	22,0
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4,0
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá</i>	4,0
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4,0
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0

1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo	4,0



	Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0

2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
	Có trụ sở làm việc trên địa bàn tỉnh Hải Dương	2,0
	Hồ sơ năng lực rõ ràng, cụ thể	3,0
Tổng số điểm		100



